

V/v tranh chấp ly hôn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Chí Hiễn
2. Ông Nguyễn Văn Chính

Cùng địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau;

Do điều kiện đi làm xa nên bà N yêu cầu xét xử vắng mặt bà cho đến khi kết thúc vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án cho ông Huỳnh Thanh P nhưng ông P không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn với ông Huỳnh Thanh P.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có nên không xem xét.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Bùi Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Huỳnh Thanh P. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông P có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà N và ông P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để xét xử sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông P vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà N và ông P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn 02/6/2009 tại UBND xã T. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên cha mẹ có hàn gắn nhiều lần cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vì vậy vợ chồng đã ly thân khoảng 02 năm nay. Điều này phù hợp với biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 17/6/2022. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải để ông bà có cơ hội gặp nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông P đều vắng mặt không lý do là không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Điều đó cho thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn với ông P.

[2.2] Về con chung: Có 1 con chung tên Huỳnh Thị Mai – sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung: Bà N xác định vợ chồng không có nợ chung. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 17/6/2022 cũng xác định không nghe ai thừa kiện về nợ tại địa phương đối với bà N và ông P, do đó Tòa án không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do bà N đã dự nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Bùi Thị N và ông Huỳnh Thanh P.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N về việc ly hôn với ông Huỳnh Thanh P.

Về hôn nhân: Bà Bùi Thị N được ly hôn với ông Huỳnh Thanh P.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 25/5/20225 bà N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014989 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bà N và ông P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Phạm Lan Chi**